TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tươi

2. Ông Nguyễn Văn Quốc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị BNE, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN;

2. Bị đơn: Anh PVT, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN.

Anh T có mặt; chị Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị BNY trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống từ năm 2006, tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB (nay là phường TB), thị xã TB, tỉnh TN. Sau khi cưới vợ chồng sống chung bên gia đình cha mẹ ruột chị tại khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN, sau đó vợ chồng

xây dựng nhà riêng trên đất của mẹ chồng tại khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN. Sau khi cưới thì chị đã bị anh T đánh, nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Đến năm 2020 thì mới phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cả hai không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, cả về kinh tế gia đình, do anh T ham mê cờ bạc, uống rượu vẫn đến nợ nần và anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, hiện nay chị đang sống chung với cha mẹ ruột tại khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN, còn anh T thì đang sống trên căn nhà do vợ chồng xây dựng trên đất của mẹ chồng tại khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cả hai không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung H, sinh ngày 11-02-2008 và V, sinh ngày 11-5-2012, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung theo nguyện vọng của các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện ngày 10-3-2022, chị yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và yêu cầu giải quyết đối với số nợ 500.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 mượn của cha mẹ ruột chị. Đến ngày 07-7-2022 chị có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, tự thỏa thuận. Cha mẹ chị là ông K và bà R cũng có đơn không yêu cầu giải quyết đối với số nợ trên cùng ngày 07-7-2022. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn, anh PVT: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27-6-2022, anh T trình bày. Về hôn nhân như chị Y trình bày là đúng, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

Về con chung: Có hai con chung H, sinh ngày 11-02-2008 và V, sinh ngày 11-5-2012, hiện đang sống chung với chị Y. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, sinh ngày 11-5-2012, đồng ý giao cho chị Y được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, sinh ngày 11-02-2008, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, tự thỏa thuận.

Sau đó, Tòa án triệu tập hợp lệ để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị BNY đối với anh PVT.

Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 11-02-2008 và V, sinh ngày 11-5-2012 cho chị Y được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của hai cháu. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng. Nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Y yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y, nhưng chị Y vắng mặt, nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh T được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh T cả hai đều yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng hiện nay cháu H, sinh ngày 11-02-2008 và V, sinh ngày 11-5-2012 hiện đang sống chung với chị Y và theo nguyện vọng của cháu H, cháu V muốn sống chung với chị Y. Nên Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao hai cháu H và cháu V cho chị Y được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị BNY đối với anh PVT.

Chị Y được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 11-02-2008 và V, sinh ngày 11-5-2012 cho chị Y được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị Y đã nộp 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng) từ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026571 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, được khấu trừ. Hoàn trả lại cho chị Y số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KT nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Tx. Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh:
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- UBND phường Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TÂM